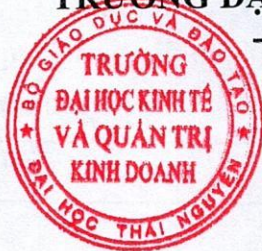


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngành: 7340301

Mã ngành: 7340301

Thái Nguyên, 2018

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kế toán tổng hợp

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành: 7340301

Hình thức đào tạo: Chính quy

Chương trình đối sánh:

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân kế toán tổng hợp

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 04 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, được làm tròn đến một chữ số thập phân, theo học chế tín chỉ.

Thang điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 -10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 -5,4): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F (dưới 4,0): Kém

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Quy trình đào tạo: Theo quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số: 872/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT, ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số: 872/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT, ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chuyên ngành:

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển theo ngành (hoặc nhóm ngành) trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm được Giám đốc Đại học Thái Nguyên phê duyệt, Nhà trường sắp xếp lớp sinh viên cho thí sinh trúng tuyển theo các ngành (hoặc nhóm ngành) đào tạo.

Đối với các ngành có nhiều chuyên ngành, đầu khóa học Nhà trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành đào tạo. Việc sắp xếp sinh viên vào các chuyên ngành đào tạo được thực hiện theo 1 trong 2 phương pháp sau:

a) Đầu khóa học, căn cứ vào đăng ký chọn chuyên ngành, điểm thi tuyển sinh, đơn vị đào tạo sắp xếp sinh viên vào các chuyên ngành đào tạo. Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chuyên ngành theo thứ tự ưu tiên. Nhà trường quy định chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể đối với từng chuyên ngành để sinh viên đăng ký.

b) Sau khi học 3 học kỳ, căn cứ vào đăng ký nguyện vọng chọn chuyên ngành và kết quả học tập của sinh viên, Nhà trường sắp xếp sinh viên vào các chuyên ngành đào tạo.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chương trình

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có đạo đức nghề nghiệp về kế toán; nắm vững kiến thức cơ bản, cơ sở và bổ trợ về kinh tế - quản lý và kinh doanh; có kiến thức toàn diện về kế toán; làm tốt công tác kế toán trong các loại hình đơn vị

4.2. Chuẩn đầu ra

*** Về kiến thức**

1.1. Hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, quy định pháp luật về kinh tế để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2. Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung.

1.3. Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán.

1.4. Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.

1.5. Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán.

1.6. Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.

1.7. Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính.

1.8. Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến kế toán, kiểm toán.

*** Về kỹ năng**

2.1. Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn.

2.2. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán.

2.3. Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng, có chứng chỉ tin học quốc tế IC3 hoặc tương đương.

2.4. Kỹ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)

2.5. Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán.

2.6. Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn đề kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

3.1. Làm việc độc lập, có kỹ năng phản biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán.

3.2. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế.

3.3. Tự định hướng, thích nghi với công việc kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.

3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4.3. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

4.3.1. Nhóm 1: Nhân viên kế toán

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Kế toán chuyên ngành Kế toán tổng hợp có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội khác; đảm nhận tốt công việc như: Kế toán tiền mặt, kế toán hàng tồn kho, kế toán doanh thu-chi phí, kế toán công nợ, kế toán nguồn vốn, kế toán thuế. Triển vọng tương lai có thể trở thành kế toán trưởng, nhà quản lý quỹ.

4.3.2. Nhóm 2: Chuyên viên phân tích và tư vấn

Làm việc tại các công ty cung cấp dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp; có thể đảm nhận vị trí trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế và tài chính.

4.3.3. Nhóm 3: Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên

Làm việc tại các công ty kiểm toán, đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp, triển vọng trong tương lai có thể làm nhóm trưởng kiểm toán, kiểm toán viên cao cấp.

4.3.4. Nhóm 4: Nghiên cứu viên và giảng viên

Nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, đảm nhận các công việc: Tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kế toán, trợ lý giảng dạy, giảng viên giảng dạy các môn học liên quan đến kế toán; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

*** Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)**

*** Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CĐR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)**

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC
1		Phần Kiến thức giáo dục đại cương*	34
2		Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	
2.1		<i>Kiến thức cơ sở của khối ngành</i>	6
2.2		<i>Kiến thức cơ sở của ngành</i>	24
2.3		<i>Kiến thức cơ sở của ngành chính</i>	24
2.4		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	27
2.5		<i>Thực tập nghề nghiệp/môn học</i>	2
2.6		<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	4
2.7		<i>Khóa luận/thay thế khóa luận</i>	6
		Tổng toàn khóa	127

- Ma trận thể hiện sự đóng của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
1	Triết học Mác - Lênin	x	x													x			
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x													x			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x													x			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x													x			
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x													x			
6	Pháp luật đại cương	x	x													x	x		
7	Tiếng Anh 1		x								x					x			
8	Tiếng Anh 2		x								x					x			
9	Tiếng Anh 3		x								x					x			
10	Tiếng Anh 4		x								x					x			
11	Tiếng Anh 5		x								x					x			
12	Tiếng Anh 6		x								x					x			
13	Toán kinh tế		x													x			
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		x													x			
15	Tin học đại cương			x								x							
16	Giáo dục thể chất 1																x		
17	Giáo dục thể chất 2																x		
18	Giáo dục thể chất 3																x		
19	Giáo dục quốc phòng																x		
20	Kinh tế vi mô 1		x													x			

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
21	Kinh tế vĩ mô 1		x													x			
22	Quản trị học (căn bản)		x													x			
23	Tài chính - tiền tệ 1		x													x			
24	Nguyên lý thống kê		x													x			
25	Nguyên lý kế toán				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
26	Marketing căn bản		x													x			
27	Luật Kinh tế (căn bản)				x												x		
28	Kiểm toán căn bản				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x													x			
30	Kinh tế lượng		x													x			
31	Thương mại điện tử		x													x			
32	Phương pháp NCKH		x													x			
33	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương		x													x			
34	Kế toán tài chính 1				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
35	Kế toán tài chính 2				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
36	Kế toán quản trị				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
37	Hệ thống thông tin kế toán				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
38	Tổ chức công tác kế toán				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
39	Kế toán thuế				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
40	Kế toán quốc tế				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
41	Luật và chuẩn mực kế toán				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
42	Thương mại quốc tế		x													x			
43	Soạn thảo các VB quản lý kinh tế		x													x			
44	Thị trường chứng khoán		x													x			
45	Tài chính doanh nghiệp		x													x			
46	Kế toán chứng khoán				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
47	Lập và phân tích báo cáo tài chính				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
48	Kế toán tài chính 3				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
49	Kiểm toán báo cáo tài chính				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
50	Kiểm soát nội bộ				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
51	Kế toán HC sự nghiệp				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
52	Kế toán máy				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
53	Kế toán ngân hàng				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
54	Kế toán ngân sách				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
55	Kế toán xây dựng cơ bản				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
56	Kế toán bảo hiểm				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
57	Kế toán công ty				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
58	Kiểm toán ngân sách				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
59	Tài chính công		x													x			
60	Thanh toán quốc tế		x													x			
61	Quản trị tài chính		x													x			
62	Quản trị ngân hàng		x													x			

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
63	Thực tập môn học ngành Kế toán	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
64	Thực tập tốt nghiệp ngành Kế toán	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
65	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
66	Kiểm toán nội bộ				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
67	Kế toán DN vừa và nhỏ				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
68	Phân tích HĐ kinh doanh				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x
69	Định giá tài sản		x													x			
70	Quản trị doanh nghiệp		x													x			
71	Luật và chuẩn mực kiểm toán				x	x	x	x	x				x	x	x			x	x

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức đại cương

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết,
I.	Phần Kiến thức đại cương		34	
1	MLP132	Triết học Mác - Lênin	3	
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	
12	MAE131	Toán kinh tế	3	
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
14	GIF131	Tin học đại cương	3	
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vi mô 1

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết
	Bắt buộc		21	
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	Lý thuyết XS & Thống kê toán
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	
25	GEM231	Marketing căn bản	3	
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	Pháp luật đại cương
28	BAU231	Kiểm toán căn bản	3	Nguyên lý kế toán
	Tự chọn		3	
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
30	ECO231	Kinh tế lượng	3	Toán cao cấp, xác suất thống kê, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.
31	MAS331	Thương mại điện tử	3	
32	SRM231	Phương pháp NCKH	3	Nguyên lý thống kê
33	TPR231	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	

7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết
	Bắt buộc		18	
34	FIA331	Kế toán tài chính 1	3	Nguyên lý kế toán
35	FIA332	Kế toán tài chính 2	3	Nguyên lý kế toán, KTTC1
36	MAA331	Kế toán quản trị	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp, quản trị học
37	AIS331	Hệ thống thông tin kế toán	3	
38	AOR331	Tổ chức công tác kế toán	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
39	TAA331	Kế toán thuế	3	Kế toán tài chính
	Tự chọn		6	

40	IAC331	Kế toán quốc tế	3	Nguyên lý kế toán
41	LAS331	Luật và chuẩn mực kế toán	3	Nguyên lý kế toán
42	INT331	Thương mại quốc tế	3	
43	DED331	Soạn thảo các VB quản lý kinh tế	3	
44	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	
45	CFI331	Tài chính doanh nghiệp	3	
46	STA331	Kế toán chứng khoán	3	

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết
	Bắt buộc		21	
47	PAS331	Lập và phân tích báo cáo tài chính	3	
48	FIA333	Kế toán tài chính 3	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
49	FAC331	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	Kiểm toán căn bản, kế toán tài chính, Tổ chức công tác kế toán
50	ICD331	Kiểm soát nội bộ	3	Kiểm toán căn bản, Kế toán tài chính, Tổ chức công tác kế toán
51	APO331	Kế toán HC sự nghiệp	3	
52	CBA331	Kế toán máy	3	Nguyên lý kế toán, KTTC1
53	BAA331	Kế toán ngân hàng	3	
	Tự chọn		6	
54	BAC331	Kế toán ngân sách	3	
55	BCA331	Kế toán xây dựng cơ bản	3	
56	IAU331	Kế toán bảo hiểm	3	Nguyên lý kế toán, KTTC1
57	ACF331	Kế toán công ty	3	
58	BUD331	Kiểm toán ngân sách	3	
59	PUF331	Tài chính công	3	
60	INP331	Thanh toán quốc tế	3	
61	FMA331	Quản trị tài chính	3	
62	BAM331	Quản trị ngân hàng	3	

7.2.5. Thực tập môn học

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết
II.5	COP421	Thực tập môn học	2	

7.2.6. Tốt nghiệp

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Học phần trước, học phần tiên quyết
III	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	
IV	THW964	Khóa luận tốt Nghiệp	6	
	Tự chọn thay thế khóa luận			
63	INA331	Kiểm toán nội bộ	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
64	SEA331	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	
65	BAN331	Phân tích HĐ kinh doanh	3	
66	BPR331	Định giá tài sản	3	
67	IBA331	Quản trị doanh nghiệp	3	
68	LST331	Luật và chuẩn mực kiểm toán	3	

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

9.1. <Triết học Mac – Lê Nin> <03> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 03 tín chỉ, LT: 36 tiết, thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mac – Lênin, từ đó giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mac – Lênin: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

9.2. <Kinh tế chính trị Mac - Lênin> <02> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 02 tín chỉ, LT: 24 tiết, thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mac – Lênin

- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (KTMT); Sản xuất giá trị thặng dư ; Cạnh tranh và độc quyền trong KTMT; KTMT định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

9.3. <Chủ nghĩa xã hội khoa học> <02> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 02 tín chỉ, LT: 24 tiết, thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

9.4. < Tư tưởng Hồ Chí Minh> <02> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 02 tín chỉ, LT: 24 tiết, thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9.5. <Lịch sử Đảng CSVN> <02> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 02 tín chỉ, LT: 24 tiết, thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến

chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

9.6. <Pháp luật đại cương> <02> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 02 tín chỉ, LT: 24 tiết, thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

9.6 <Tiếng Anh 1>, Mã học phần: ENG121

Số tín chỉ: 2 Phân bố thời gian học tập: (24/12/72)

- Môn học trước: không
- Môn học tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 1 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

9.7 <Tiếng Anh 2>, Mã học phần: ENG122

Số tín chỉ: 2 Phân bố thời gian học tập: (24/12/72)

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1
- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 2 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà

trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

9.8 <Tiếng Anh 3>, Mã học phần: ENG123

Số tín chỉ: 2 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2
- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

9.9 <Tiếng Anh 4>, Mã học phần: ENG124

Số tín chỉ: 2 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3
- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

9.10 <Tiếng Anh 5>, Mã học phần: ENG125

Số tín chỉ: 2 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

9.11 <Tiếng Anh 6>, Mã học phần: ENG126

Số tín chỉ: 2 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

9.12 <Toán kinh tế>, Mã học phần: MAE131

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: không

- Môn học tiên quyết: không

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

9.13 <Lý thuyết xác suất và thống kê toán>, Mã học phần: PST131

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Toán kinh tế

Học phần song hành: Không

Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa về xác suất, các công thức xác suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, dãy phép thử Bernoulli được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu về biến ngẫu nhiên, hàm phân phối, hàm mật độ, các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, mode, trung vị, giá trị tới hạn và một số phân phối thông dụng như phân phối chuẩn, phân phối không – một, phân phối nhị thức, phân phối Student, phân phối khi bình phương, phân phối F... Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

9.14 <Tin học đại cương>, Mã học phần: GIF131

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

9.15 <Giáo dục thể chất I>, Mã học phần: PHE011

Số tín chỉ: 30 tiết Phân bổ thời gian học tập: (//0)

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

9.16 <Giáo dục thể chất 2>, Mã học phần: PHE012

Số tín chỉ: 30 tiết Phân bổ thời gian học tập: (//0)

- Môn học trước: môn GDTC 1
- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

9.17 <Giáo dục thể chất 3>, Mã học phần: PHE013

Số tín chỉ: 30 tiết Phân bổ thời gian học tập: (//0)

- Môn học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2
- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

9.18 <Giáo dục quốc phòng>, Mã học phần:

Số tín chỉ: 5 tuần Phân bổ thời gian học tập: (//0)

Giáo dục quốc phòng: học trong 5 tuần theo kế hoạch của Trung tâm Giáo dục quốc phòng.

Sinh viên phải có chứng chỉ giáo dục quốc phòng là điều kiện cần để xét tốt nghiệp.

9.19 <Kinh tế vi mô 1>, Mã học phần: MIE231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

9.20 <Kinh tế vĩ mô 1>, Mã học phần: MAE231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế học vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là môn học cơ sở của khối ngành kinh tế. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ... nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

9.21 <Quản trị học (căn bản)>, Mã học phần: MAN231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị...

9.22 <Tài chính - tiền tệ 1>, Mã học phần: FAM231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực

học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

9.23 <Nguyên lý thống kê>, Mã học phần: PSE231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê

9.24 <Nguyên lý kế toán>, Mã học phần: ACT231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: “Không”
- Môn học tiên quyết: “Không”
- Môn học song hành: Luật và chuẩn mực kế toán
- Tóm tắt nội dung học phần:

Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

9.25 <Marketing căn bản>, Mã học phần: GEM231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

-
- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô,
- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Môn học song hành: không
- Tóm tắt học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận

dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

9.26 <Luật Kinh tế (căn bản)>, Mã học phần: ELA231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Pháp luật đại cương
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động... Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

9.28 <Kiểm toán căn bản>, Mã học phần: BAU231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho người học lý thuyết cơ bản về kiểm toán như: khái niệm, bản chất của kiểm toán, chức năng của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản liên quan đến kiểm toán và ý nghĩa của kiểm toán trong công tác quản lý, các khái niệm sử dụng trong kiểm toán, khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ, các kỹ thuật kiểm toán và quy trình kiểm toán.

9.29 <Lịch sử các học thuyết kinh tế>, Mã học phần: HET231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; Giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết kinh tế, và nhất là ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

9.30 <Kinh tế lượng>, Mã học phần: ECO231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

9.31 <Thương mại điện tử>, Mã học phần: MAS331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước:
- Môn học tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

9.32 <Phương pháp NCKH>, Mã học phần: SRM231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng
- Môn học tiên quyết: không
- Môn học song hành:

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó xác định được các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập.

9.33 <Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương >, Mã học phần: TPR231

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế; các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi; các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch; các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các giao dịch kinh doanh quốc tế.

9.34 <Kế toán tài chính 1>, Mã học phần: FIA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Kế toán quốc tế, Luật và chuẩn mực kế toán,...

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ và xác định kết quả. Học phần này là nền tảng để sinh viên tiếp cận với học phần kế toán chuyên sâu của chuyên ngành kế toán, kế toán kiểm toán như kế toán tài chính 2, lập và phân tích báo tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán báo cáo tài chính,...

9.35 <Kế toán tài chính 2>, Mã học phần: FIA332

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Tổ chức công tác kế toán, kế toán thuế,...

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu hơn về kế toán tài chính. Trong môn học này, người học sẽ nghiên cứu các nghiệp vụ kế toán phức tạp hơn trong doanh nghiệp về vấn đề tỷ giá, nợ phải thu, phải trả, vốn chủ sở hữu, đầu tư tài chính, xác định kết quả kinh doanh ... Ở mức độ này, người học không chỉ vận dụng được hệ thống tài khoản mà cần giải thích được bản chất kinh tế của giao dịch, cách xử lý của chuẩn mực kế toán trong mối quan hệ với các quy định pháp lý khác.

9.36 <Kế toán quản trị>, Mã học phần: MAA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân loại chi phí; các phương pháp xác định chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận; định giá bán sản phẩm và hoàn vốn đầu tư; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; lập dự toán sản xuất kinh doanh.

9.37 <Hệ thống thông tin kế toán>, Mã học phần: AIS331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2; Kế toán quản trị.
- Môn học tiên quyết: Tin học, Nguyên lý kế toán.
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin kế toán dưới góc độ của cả hệ thống: Cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát nội bộ trong hệ thống thông tin kế toán, sự an toàn và trung thực của dữ liệu, các chu trình kế toán và kiểm soát trong các chu trình kế toán cơ bản: Chu trình doanh thu, chu trình chi phí và chu trình sản xuất, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kế toán và thực hiện, vận hành hệ thống thông tin kế toán. Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật xây dựng- khai thác cơ sở dữ liệu kế toán và có khả năng thiết lập các chính sách kiểm soát nội bộ hữu hiệu, hiệu quả.

Đồng thời, giúp người học hiểu được công việc kế toán theo một quy trình, từ việc thu thập, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng; các nội dung cơ bản trong việc tìm hiểu, đánh giá và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cho hệ thống thông tin kế toán, từ đó có biện pháp kiểm soát chu trình kế toán trong doanh nghiệp và bảo toàn dự an của dữ liệu và thực hiện công việc và phân tích, thiết kế và vận hành hệ thống thông tin kế toán.

9.38 <Tổ chức công tác kế toán>, Mã học phần: AOR331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Kế toán tài chính 2,...
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng nghề nghiệp về lựa chọn chứng từ kế toán, lập chứng từ kế toán, sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán; Xác lập hệ thống tài khoản tổng hợp và tài khoản chi tiết tại doanh nghiệp; Lựa chọn hình thức kế toán, lựa chọn hệ thống sổ kế toán, tổ chức ghi sổ kế toán, sửa sổ kế toán trong các doanh nghiệp. Tuyển chọn nhân viên kế toán, bố trí sắp xếp công việc nhân viên kế toán trong doanh nghiệp.

9.39 <Kế toán thuế>, Mã học phần: TAA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Luật và chuẩn mực kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán hành chính sự nghiệp, Kế toán ngân hàng, Kế toán ngân sách
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kế toán thuế cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về thuế nói chung và các loại thuế phổ biến trong doanh nghiệp nói riêng; cung cấp các kiến thức về phương pháp hạch toán kế toán các loại thuế và sử dụng được phần mềm Hỗ trợ kê khai của Tổng cục thuế để kê khai các loại thuế trong thực tế theo quy định (như thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân). Ngoài ra, học phần còn giúp người học nắm được các quy tắc ghi chép, quản lý hóa đơn chứng từ, sổ sách, báo cáo thuế theo quy định của pháp luật; các quy định về thời hạn kê khai, nộp và quyết toán các loại thuế;

9.40 <Kế toán quốc tế>, Mã học phần: IAC331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về kế toán quốc tế theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính (IFRS). Đồng thời, giúp người học tiếp cận phương pháp hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế các phần hành cơ bản trong doanh nghiệp thương mại và lập báo cáo tài chính theo IFRS.

9.41 <Luật và chuẩn mực kế toán >, Mã học phần: LAS331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: “Không”
- Môn học tiên quyết: “Không”
- Môn học song hành: Nguyên lý kế toán
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Luật và chuẩn mực kế toán nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về luật kế toán, các quy định của pháp luật kế toán về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ kế toán, báo cáo tài chính, hoạt động kiểm tra kế toán, các quy định về người làm kế toán, tổ chức bộ máy kế toán,...Đồng thời, học phần đưa ra những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán Việt Nam và việc áp dụng các chuẩn mực kế toán ở Việt Nam.

9.42 <Thương mại quốc tế>, Mã học phần: INT331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

Môn học tiên quyết : Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

Thương mại quốc tế nghiên cứu những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế thương mại giữa các quốc gia, lãnh thổ trên phạm vi toàn cầu, các nội dung cụ thể như: Các lý thuyết về thương mại quốc tế, các chính sách thương mại quốc tế và các công cụ để thực hiện các chính sách này, các liên minh kinh tế và xu hướng vận động của các quan hệ kinh tế. Mỗi quan hệ kinh tế thương mại được nghiên cứu thông qua mô hình tổng quát dựa trên cơ sở mối quan hệ giữa 2 quốc gia: Quốc gia 1 (home) – Quốc gia 2 (foreign).

9.43 <Soạn thảo các VB quản lý kinh tế>, Mã học phần: DED331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Luật kinh tế
- Môn học tiên quyết: Pháp luật đại cương
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống và toàn diện bao gồm: văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng. Đồng thời người học được trang bị kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa, kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản.

9.44 <Thị trường chứng khoán>, Mã học phần: SMK331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho người học nắm được những kiến thức chung nhất về thị trường chứng khoán; Những vấn đề cơ bản về hàng hóa trên thị trường chứng khoán; Các chủ thể tham gia trên thị trường chứng khoán; Hiểu biết về các loại chứng khoán giao dịch trên thị trường; Cách thức giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung và thị chứng khoán phi tập trung... Qua đó giúp sinh viên có khả năng hiểu được những giao dịch diễn ra trên thị trường chứng khoán và phân tích được những biến động diễn ra trên thị trường chứng khoán.

9.45 <Tài chính doanh nghiệp >, Mã học phần: CFI331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Tài chính – Tiền tệ
- Môn học song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp. Nội dung nghiên cứu bao gồm: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, vốn kinh doanh của doanh nghiệp, nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, giá trị thời gian của tiền, hệ thống báo cáo tài chính và các hệ số tài chính doanh nghiệp cơ bản. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản để quản trị tài chính trong doanh nghiệp, biết lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính, biết được cơ chế vận hành, đặc điểm của các loại vốn, nguồn vốn, kiến thức cơ bản về giá trị thời gian của tiền làm nền tảng cho các phân tích tài chính trong đầu tư. Quản trị chặt chẽ các khoản thu chi nhằm đảm bảo khả năng thanh toán cho doanh nghiệp

9.46 <Kế toán chứng khoán >, Mã học phần: STA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức công tác kế toán trong các tổ chức kinh doanh chứng khoán và kế toán theo từng phần hành tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán như: Kế toán các loại tiền, các loại chứng khoán và đầu tư ngắn hạn kế toán các khoản nợ phải thu; kế toán vật tư, TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính.

9.47 <Lập và phân tích báo cáo tài chính>, Mã học phần: PAS331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về báo cáo tài chính doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như chuẩn mực kế toán Việt Nam liên quan đến báo cáo tài chính doanh nghiệp; các nguyên tắc, yêu cầu cũng như nội dung phương pháp lập, đọc, kiểm tra và phân tích từng loại báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kỹ năng thành thạo trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, kỹ năng đọc, hiểu báo cáo tài chính.

Ngoài ra, học này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tiến hành phân tích, đánh giá tình hình tài chính, thấy rõ mặt mạnh và những tồn tại; tìm nguyên nhân và đưa ra các quyết định kinh doanh hợp lý trong thực tiễn.

9.48 <Kế toán tài chính 3>, Mã học phần: FIA333

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

9.49 <Kiểm toán báo cáo tài chính>, Mã học phần: FAC331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Lập và Phân tích báo cáo tài chính

- Môn học tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành chính của chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề tổng quan của kiểm toán báo cáo tài chính như bản chất, đối tượng, mục tiêu, nội dung, phương pháp, quy trình kiểm toán báo cáo tài chính Đồng thời, học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản gắn với kiểm toán từng chu trình trong một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính thông qua các thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản.

9.50 <Kiểm soát nội bộ>, Mã học phần: ICD331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1, Kiểm toán căn bản.

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp nội dung cơ bản về kiểm soát nội bộ: Hệ thống kiểm soát nội bộ, phạm vi kiểm soát nội bộ; gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm soát chu trình mua hàng, thanh toán; kiểm soát chu trình bán hàng, thu tiền; kiểm soát chu trình tiền lương, kiểm soát tiền và kiểm soát TSCĐ.

Giúp người học xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) trong các tổ chức, đồng thời có những biện pháp để ngăn ngừa, phát hiện sai phạm và yếu kém nhằm giảm thiểu tổn thất, nâng cao hiệu quả hỗ trợ tổ chức đạt được các mục tiêu đề ra.

9.51 <Kế toán HC sự nghiệp>, Mã học phần: APO331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (24/12/72)

Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Kế toán ngân hàng, Kế toán ngân sách, Kế toán thuế, kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Kế toán tổng hợp và Kế toán, Kiểm toán tại Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các đơn vị HCSN và kiến thức cụ thể về nguyên tắc kế toán, chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến các phần hành kế toán trong đơn vị HCSN. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng phân tích kiến thức chuyên môn sâu để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến kế toán trong đơn vị HCSN.

9.52 <Kế toán máy>, Mã học phần: CBA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 2, Kế toán thuế.
- Môn học tiên quyết: Tin học, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán; quy trình áp dụng kế toán máy trong các doanh nghiệp cũng như cách tổ chức thực hiện các phần hành kế toán trong doanh nghiệp trên một phần mềm kế toán cụ thể: từ việc xây dựng danh mục từ điển, cập nhật số dư đầu kỳ các tài khoản đến việc xử lý và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lên sổ sách và các Báo cáo tài chính;

Ngoài ra, các nội dung kiến thức trong học phần còn giúp cho người học có thể tư vấn cho doanh nghiệp trong công tác quản lý: từ việc thực hiện tổ chức bộ máy kế toán trong điều kiện tin học hóa đến việc lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp

9.53 <Kế toán ngân hàng >, Mã học phần: BAA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán thuế, kế toán ngân sách, Luật và chuẩn mực kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2
- Tóm tắt nội dung học phần:

Kế toán ngân hàng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế & QTKD. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về ngân hàng Nhà nước (NHNN) và trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng, cụ thể là các ngân hàng thương mại như: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ dụng cụ, hoạt động thanh toán qua ngân hàng, kế toán vốn chủ sở hữu và xác định kết quả kinh doanh,...

9.54 <Kế toán ngân sách>, Mã học phần: BAC331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: Kế toán ngân hàng, Kế toán hành chính sự nghiệp, Kế toán thuế, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về ngân sách tại đơn vị cấp phát - Kho bạc, tại đơn vị thụ hưởng - xã (phường) và phương pháp hạch toán kế toán. Kết thúc học phần, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành về các phân hành kế toán có liên quan đến ngân sách, biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo quyết toán ngân sách theo yêu cầu.

9.55 <Kế toán xây dựng cơ bản>, Mã học phần: BCA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Kế toán thương mại dịch vụ, Kế toán công ty,...
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tại các đơn vị chủ đầu tư và đơn vị kinh doanh xây lắp. Từ đó, giúp người học vận dụng được Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác kế toán trong đơn vị chủ đầu tư và đơn vị kinh doanh xây lắp.

9.56 <Kế toán bảo hiểm >, Mã học phần: IAU331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Môn học song hành: *Không*
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ về công tác kế toán trong các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. Với các hoạt động kinh doanh đặc thù như: bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, nhận tái, nhượng tái bảo hiểm về các vấn đề thuộc nguyên tắc, phương pháp kế toán cũng như các báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

9.57 <Kế toán công ty>, Mã học phần: ACF331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2
- Môn học tiên quyết: *Không*
- Môn học song hành: Kế toán thương mại dịch vụ, Kế toán xây dựng cơ bản,...
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh thuộc các phần hành mà môn học nghiên cứu. Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc giải quyết các vấn đề về thủ tục pháp lý và công tác kế toán thuộc các vấn đề liên quan đến thành lập công ty, biến động vốn góp, phân phối kết quả kinh doanh, giải thể công ty, tổ chức lại công ty.

9.58 <Kiểm toán ngân sách>, Mã học phần: BUD331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

Môn học tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Môn học trước: Tổ chức công tác kế toán

Môn học song hành: Kế toán ngân sách

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm toán ngân sách như xây dựng kế hoạch kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán, phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, kiểm soát chất lượng kiểm toán. Các nội dung mở rộng như kiểm toán báo cáo tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp trong đó chi tiết cách thức thực hiện kiểm toán nguồn kinh phí và vốn, quỹ, trình tự kiểm toán một số nghiệp vụ tài chính, kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách gồm kiểm toán thu ngân sách nhà nước, kiểm toán chi ngân sách nhà nước, kiểm toán tính tuân thủ của báo cáo quyết toán ngân sách

9.59 <Tài chính công>, Mã học phần: PUF331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: *Không*
- Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Môn học song hành: *Không*
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tài chính công trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực Tài chính công như: Những kiến thức cơ bản về tài chính công, chính sách công, tổ chức hệ thống NSNN, quản lý thu - chi NSNN, thực hiện cân đối NSNN, tín dụng NSNN và quản lý các quỹ Tài chính công ngoài NSNN giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Ngoài ra, học phần này sẽ cung cấp kỹ năng cần thiết như kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với khu vực công cũng như lĩnh vực Tài chính công

9.60 <Thanh toán quốc tế>, Mã học phần: INP331

Số tín chỉ: 3 Phân bố thời gian học tập: (36/18/108)

Môn học tiên quyết : Tài chính tiền tệ 1

Môn học trước: Không

Môn học song hành:

Thanh toán quốc tế là một môn học thuộc khối kiến thức bắt buộc trong khung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với tất cả các chương trình đào tạo thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng. Nội dung của môn học đề cập đến các hoạt động thanh toán quốc tế: những vấn đề chung về thanh toán quốc tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái, tìm hiểu các phương tiện thanh toán quốc tế như hối phiếu, kỳ phiếu, séc, thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán khác; tìm hiểu các phương thức thực hiện hoạt động thanh toán quốc tế như phương thức thanh toán ứng trước, phương thức ghi sổ, phương thức chuyển tiền, phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.

Môn học Thanh toán quốc tế trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản liên quan đến lĩnh vực thanh toán quốc tế, đặc biệt là: những vấn đề chung về thanh toán quốc tế; tỷ giá hối đoái và chế độ quản lý ngoại hối của Việt Nam; các phương tiện và phương thức thanh toán áp dụng trong các thương vụ quốc tế. Ngoài ra, môn học này cũng giúp cho người học hiểu được cơ chế tiến hành hoạt động thanh toán của 2 chủ thể ở 2 nước khác nhau, áp dụng để phân tích và thực hành các nghiệp vụ của ngân hàng như chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ; Giúp cho người học nắm được những kiến thức cơ bản về hệ thống thanh toán quốc tế nói chung, từ đó có khả năng tự nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo các chính sách, chế độ, thông lệ thanh toán quốc tế trong thực tiễn đời sống xã hội; Giúp người học nâng cao năng lực tư vấn, quản lý về lĩnh vực thanh toán quốc tế.

9.61 <Quản trị tài chính >, Mã học phần: FMA331

Số tín chỉ: 3 Phân bố thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ

- Môn học trước: Tài chính tiền tệ

- Môn học song hành:

Học phần Quản trị tài chính trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm về rủi ro tài chính và quản trị rủi ro tài chính trong nền kinh tế thị trường như: nhận dạng các loại rủi ro tài chính, các công cụ quản trị rủi ro tài chính (hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng giao sau, hợp đồng quyền chọn), quản trị rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro lãi suất, quản trị rủi ro tỷ giá... từ đó giúp người học có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

9.62 <Quản trị ngân hàng>, Mã học phần: BAM331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

Môn học tiên quyết : Tài chính tiền tệ 1

Môn học trước : Không có

Học phần Quản trị ngân hàng cung cấp cho sinh viên ngành Tài chính –ngân hàng các kiến thức cơ bản và toàn diện đi từ các vấn đề tổng quan đến các nội dung cụ thể về quản trị kinh doanh của ngân hàng. Học phần này đi sâu vào các chiến lược cũng như kỹ thuật quản trị tài sản-nợ, quản trị thanh khoản và dự trữ, quản trị vốn và quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng. Ngoài các kiến thức về mặt lý luận, học phần này giúp người học tiếp cận với thực tế quản trị ngân hàng thông qua hệ thống các bài tập, thảo luận, bài tập mô phỏng thiết thực và cập nhật trong giai đoạn hiện nay tại các ngân hàng

9.63 <Kiểm toán nội bộ>, Mã học phần: INA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Kiểm toán căn bản

- Môn học tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ như xây dựng kế hoạch kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán, phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, kiểm soát chất lượng kiểm toán và xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm toán. Đồng thời, cung cấp kiến thức cho người học về một số chuyên đề kiểm toán của kiểm toán nội bộ như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính.

9.64 <Kế toán DN vừa và nhỏ>, Mã học phần: SEA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2, Kế toán xây dựng cơ bản, Kế toán công ty,...

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa áp dụng theo chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ và xác định kết quả.

9.65 <Phân tích HĐ kinh doanh>, Mã học phần: BAN331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Không
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành:

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

9.66 <Định giá tài sản >, Mã học phần: BPR331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

Môn học tiên quyết : Tài chính tiền tệ 1

Môn học trước: Không

Môn học định giá tài sản trang bị cho sinh viên một hệ thống, khoa học và kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để có thể tiến hành các nghiệp vụ cụ thể khi chuẩn bị thẩm định giá một tài sản. Nội dung môn học giúp sinh viên nắm được các quan niệm, khái niệm về giá trị tài sản, nguyên tắc thẩm định giá tài sản, quy trình thẩm định giá, các vấn đề cơ bản và phương pháp thẩm định giá về bất động sản, máy móc thiết bị, doanh nghiệp. Đối với thẩm định giá bất động sản và máy móc thiết bị, môn học tiếp cận 5 phương pháp thẩm định giá: Phương pháp so sánh, phương pháp chi phí, phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư, phương pháp lợi nhuận. Đối với thẩm định giá trị doanh nghiệp, môn học tiếp cận các phương pháp thẩm định giá phổ biến như: Phương pháp giá trị tài sản thuần, phương pháp goodwill, phương pháp thu nhập, phương pháp P/E... Giúp sinh viên có khả năng ước lượng được giá trị tài sản. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề về giá trị tài sản để thực hiện đầu tư.

9.67 <Quản trị doanh nghiệp >, Mã học phần: IBA331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và tổng hợp về Quản trị doanh nghiệp từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu một cách khoa học về Quản trị kinh doanh. Nắm vững các lý thuyết quản trị, các chức năng và các lĩnh vực quản trị có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp. Có khả năng tổ chức các hoạt động quản trị doanh nghiệp như: Hoạch định mục tiêu, xây dựng chiến lược, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Có khả năng quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, quản trị chi phí và kết quả, các chính sách tài chính trong doanh nghiệp, kiểm tra kiểm soát trong doanh nghiệp

9.68 <Luật và chuẩn mực kiểm toán >, Mã học phần: LST331

Số tín chỉ: 3 Phân bổ thời gian học tập: (36/18/108)

- Môn học trước: *Kiểm toán căn bản, Kế toán tài chính*

- Môn học tiên quyết: *Kiểm toán căn bản*

- Môn học song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán cơ bản. Học phần đề cập tới các quy định về tổ chức bộ máy kiểm toán và người làm kiểm toán, các quy định về hoạt động kiểm toán, quản lý nhà nước về kiểm toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật kiểm toán trong kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ. Đây là một học phần đóng vai trò nền tảng quan trọng và gắn bó mật thiết đối với các môn học kiểm toán, giúp học viên có phương pháp tiếp cận và kiến thức cơ bản về pháp luật kiểm toán, từ đó áp dụng vào các môn học liên quan.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

Bảng 01: THỐNG KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG

STT	Giảng đường, thư viện	Số lượng phòng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Giảng đường	61	13.095 m ²	Tất cả các học phần
2	Phòng học máy tính	04	303 m ²	Các học phần có liên quan
3	Phòng học ngoại ngữ	02	162 m ²	Học ngoại ngữ
4	Thư viện	03	343 m ²	Tất cả các học phần
5	Trung tâm Học liệu thuộc ĐHTN		7200 m ²	Tất cả các học phần
6	Hội trường, nhà thi đấu đa năng		356 m ²	Hội nghị, hội thảo, hoạt động TDTT
7	Ký túc xá	180	9308 m ²	Sinh viên, học viên
8	Sân vận động, sân thể thao		1478 m ²	Hoạt động TDTT

Bảng 02: THỐNG KÊ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1	Bộ máy tính phục vụ đào tạo	Việt Nam	370	Tin học, Thương mại điện tử, Kế toán máy, Các HP thi trắc nghiệm trên MT...	
2	Máy tính xách tay	Nhật + Mỹ	10		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý
3	Máy chiếu		90	Tất cả các học phần	
4	Máy in		100		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý ở các Khoa, Phòng, Ban...
5	Máy photocopy	Nhật	05		Chủ yếu phục vụ công tác quản lý ở các Khoa, Phòng, Ban...
6	Hệ Thống âm thanh	Liên doanh	20	Tất cả các học phần	
7	Bộ phát không dây		24	Tất cả các học phần	
8	Máy điều hòa		61		Chủ yếu phục vụ hoạt động của các Khoa, phòng, Ban, các lớp CLC, các lớp SDH...

10.2. Thư viện, trang Web

TT	Thư viện	Diện tích thư viện (m ²)	Diện tích phòng đọc (m ²)	Số chỗ ngồi	Số lượng máy tính tra cứu	Số đầu sách (GT, TK)/số bản	Phần mềm quản lí thư viện
1	Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên	7.200	7.200			1.982/20.000	
2	Thư viện Trường	343	343			703/40.097	ELIB
3	Thư viện điện tử www.elib.tueba.edu.vn					>1.500 cuốn	

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, DHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

Thái Nguyên, ngày tháng ... năm 2018

KT. TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương

Phụ lục A:

1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT kế toán tổng hợp
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	KT2: Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung.
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	KT1: Hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, quy định pháp luật về kinh tế để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	KT3: Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán.
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	KT6: Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	KT4: Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán. KT 5: Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán. KT7: Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	KN4:Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán. - KN5: Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt văn kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán KT3: Kĩ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)

Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	KN1: Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn.
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	- KN5: Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn đề kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	KN2: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	- NT1: Làm việc độc lập, có kỹ năng phản biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	NT2: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế.
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	NT3: Tự định hướng, thích nghi với công việc kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng;

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;

Mức 2: Đáp ứng một phần;

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;

Chuẩn đầu ra CTĐT	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
KT1: Hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, quy định pháp luật về kinh tế để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.	3	3
KT2: Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung.	3	3
KT3: Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán.	4	4
KT4: Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.	3	4
KT 5: Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán.	3	3
KT6: Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.	3	3
KT7: Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính	3	3
KN1: Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn.	3	3
KN2: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán	3	4
KT3: Kỹ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)	3	3
KN4:Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán.	3	3

Chuẩn đầu ra CTĐT	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
KN5: Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn đề kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán	3	4
NT1: Làm việc độc lập, có kỹ năng phân biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán.	3	3
NT2: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế.	3	4
NT3: Tự định hướng, thích nghi với công việc kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.	3	3

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
KHOA: KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: CĐR của các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong và ngoài nước ban hành, Ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

- Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với CĐR các CTĐT trong và ngoài nước (nếu có).

- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng LĐ và Cựu người học.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT KTTH TUEBA	CĐR CTĐT KTTH Trường ĐH Kinh tế quốc dân	CĐR CTĐT KTTH Trường Đại học Thương mại	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1. Kiến thức	X-25%	X – 90%		X-80	
1.1. Hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, quy định pháp luật về kinh tế để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.					
1.2. Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung.	-	X - 80%		X-80	

CĐR CTĐT KTTH TUEBA	CĐR CTĐT KTTH Trường ĐH Kinh tế quốc dân	CĐR CTĐT KTTH Trường Đại học Thương mại	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.3. Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán.	X-50%	X – 90%		X-50	
1.4. Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.	X-75%	X – 60%		X-100	
1.5. Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán.	X-75%	X – 50%		X-80	
1.6. Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.	-	X – 30%		X-80	
1.7. Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính.	-	X – 20%		X-50	
2. Kỹ năng					
2.1. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán.	-	X – 50%		X-50	
2.2. Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn.	-	X – 80%		X-100	
2.3. Kỹ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)	-	X – 50%		X-80	
2.4. Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán.	-	X – 50%		X-50	

CĐR CTĐT KTTH TUEBA	CĐR CTĐT KTTH Trường ĐH Kinh tế quốc dân	CĐR CTĐT KTTH Trường Đại học Thương mại	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
2.5. Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn đề kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán	X-50%	X – 50%		X -100	
3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
3.1. Làm việc độc lập, có kỹ năng phân biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán.	X-50%	X – 80%		X-100	
3.2. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế.	X-75%	-		X-100	
3.3. Tự định hướng, thích nghi với công việc kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.	X-50%	X – 85%		X-80	

Bảng 1.1 Thay đổi của CĐR CTĐT KTTH qua các năm

Lần	2016	2018
Nội dung	Xác định CĐR nhằm phát triển CTĐT KTTH dựa trên 3 yêu cầu: Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Xác định CĐR dựa trên mục tiêu đào tạo thay đổi Xác định chuẩn đầu ra dựa trên thang năng lực trình độ quốc gia về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; được cụ thể hóa trong ma trận kỹ năng

3. Đánh giá chung

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo KTTH đã được xây dựng rõ ràng và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Khoa kế toán, phù hợp với mục tiêu đề ra tại Luật Giáo dục Đại học, đáp ứng yêu cầu của xã hội và các nhà tuyển dụng. Trong chuẩn đầu ra đã được thể hiện những yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được khi hoàn thành CTĐT về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đáp ứng được yêu cầu của xã hội cũng như các nhà tuyển dụng sau khi ra trường. Đồng thời chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra cũng đã được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo đúng qui định của Nhà trường.

Tuy nhiên Số lượng phiếu khảo sát, đánh giá, lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia về chương trình đào tạo KTTH tuy đã có nhưng chưa đủ lớn.

Một số CĐR chưa phân định rõ yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt

Số lượng sinh viên tham gia khảo sát, đánh giá chuẩn đầu ra còn hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả diện rộng.

Tuy nhiên Số lượng phiếu khảo sát, đánh giá, lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia về chương trình đào tạo KTTH tuy đã có nhưng chưa đủ lớn.

Một số CĐR chưa phân định rõ yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt

Số lượng sinh viên tham gia khảo sát, đánh giá chuẩn đầu ra còn hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả diện rộng.

KT. TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: CTĐT của nhà trường và các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong và ngoài nước ban hành. Ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu người học..., Để từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các học phần của CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

- Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu CTĐT Kế toán doanh nghiệp với các CTĐT trong và ngoài nước (nếu có).
- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu CTĐT với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng lao động và Cựu người học.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH: KẾ TOÁN TỔNG HỢP

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Đại học Thương mại (CT Kế toán)	ĐH KTQD (CT Kế toán)	Ý kiến NSD Lao động	Ý kiến cựu SV	Ghi chú
I.	Phần Kiến thức đại cương		34					
1	MLP132	Triết học Mác - Lênin	3	x	x	X-100%	X-90%	
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x	x	X-100%	X-90%	
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x	x	X-100%	X-100%	
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x	x	X-100%	X-100%	
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	x	x	X-100%	X-100%	
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	x	x	X-90%	X-90%	
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	x	x	X-90%	X-90%	
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	x		X-90%	X-90%	
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2			X-80%	X-80%	

9	ENG124	Tiếng Anh 4	2			X-80%	X-80%	
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2		x	X-80%	X-80%	
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2		x	X-75%	X-75%	
12	MAE131	Toán kinh tế	3	x		X-100%	X-100%	
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	x		X-100%	X-90%	
14	GIF131	Tin học đại cương	3	x	x	X-100%	X-100%	
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	x	x	X-100%	X-100%	
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	x	x	X-90%	X-90%	
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	x	x			
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	x	x	X-100%	X-100%	
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6					
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	x	x	X-100%	X-100%	
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	x	x	X-100%	X-90%	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		24					
	Bắt buộc		21					
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3					
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	x	x	X-80%	X-90%	
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	x		X-80%	X-80%	
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	x	x	X-100%	X-100%	
25	GEM231	Marketing căn bản	3	x	x	X-90%	X-90%	
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	x		X-100%	X-100%	
28	BAU231	Kiểm toán căn bản	3	x	x	X-80%	X-80%	
	Tự chọn		3					
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	x	x	X-80%	X-90%	
30	ECO231	Kinh tế lượng	3	x	x	X-80%	X-80%	
31	MAS331	Thương mại điện tử	3			X-90%	X-90%	
32	SRM231	Phương pháp NCKH	3	x		X-80%	X-80%	
33	TPR231	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	x		X-75%	X-75%	
Tổng(II+II.1+II.2)			63					
II.3	Kiến thức cơ sở ngành chính		24					
	Bắt buộc		18					
34	FIA331	Kế toán tài chính 1	3	x	x	X-100%	X-100%	

35	FIA332	Kế toán tài chính 2	3	x	x	X-100%	X-100%	
36	MAA331	Kế toán quản trị	3	x	x	X-100%	X-100%	
37	AIS331	Hệ thống thông tin kế toán	3	x		X-90%	X-90%	
38	AOR331	Tổ chức công tác kế toán	3	x		X-100%	X-100%	
39	TAA331	Kế toán thuế	3	x		X-100%	X-100%	
	Tự chọn		6					
40	IAC331	Kế toán quốc tế	3	x	x	X-80%	X-50%	
41	LAS331	Luật và chuẩn mực kế toán	3			X-80%	X-90%	
42	INT331	Thương mại quốc tế	3			X-90%	X-90%	
43	DED331	Soạn thảo các VB quản lý kinh tế	3			X-80%	X-80%	
44	SMK331	Thị trường chứng khoán	3			X-80%	X-80%	
45	CFI331	Tài chính doanh nghiệp	3			X-80%	X-80%	
46	STA331	Kế toán chứng khoán	3			X-50%	X-75%	
II.4	Kiến thức chuyên ngành		27					
	Bắt buộc		21					
47	PAS331	Lập và phân tích báo cáo tài chính	3	x	x	X-100%	X-100%	
48	FIA333	Kế toán tài chính 3	3	x		X-100%	X-100%	
49	FAC331	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	x		X-100%	X-100%	
50	ICD331	Kiểm soát nội bộ	3			X-90%	X-90%	
51	APO331	Kế toán HC sự nghiệp	3	x	x	X-100%	X-100%	
52	CBA331	Kế toán máy	3	x		X-100%	X-100%	
53	BAA331	Kế toán ngân hàng	3	x		X-100%	X-100%	
	Tự chọn		6					
54	BAC331	Kế toán ngân sách	3	x	x	X-80%	X-90%	
55	BCA331	Kế toán xây dựng cơ bản	3	x		X-50%	X-50%	
56	IAU331	Kế toán bảo hiểm	3		x	X-90%	X-90%	
57	ACF331	Kế toán công ty	3		x	X-80%	X-80%	
58	BUD331	Kiểm toán ngân sách	3	x	x	X-60%	X-60%	
59	PUF331	Tài chính công	3	x		X-80%	X-80%	
60	INP331	Thanh toán quốc tế	3			X-50%	X-80%	
61	FMA331	Quản trị tài chính	3	x		X-50%	X-50%	
62	BAM331	Quản trị ngân hàng	3			X-50%	X-50%	
II.5	COP421	Thực tập môn học	2		x	X-100%	X-100%	

III	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	x		X-100%	X-100%	
IV	THW964	Khóa luận tốt Nghiệp	6	x		X-100%	X-100%	
	Tự chọn thay thế khóa luận							
63	INA331	Kiểm toán nội bộ	3	x	x	X-100%	X-100%	
64	SEA331	Kế toán DN vừa và nhỏ	3		x	X-100%	X-100%	
65	BAN331	Phân tích HĐ kinh doanh	3	x		X-100%	X-100%	
66	BPR331	Định giá tài sản	3			X-90%	X-90%	
67	IBA331	Quản trị doanh nghiệp	3			X-50%	X-50%	
68	LST331	Luật và chuẩn mực kiểm toán	3			X-100%	X-100%	
	Tổng (II.3,4,5+III+IV)		63		x	X-90%	X-80%	
	Tổng(I+II.1+II.2)		63					
	Tổng toàn khóa		126					

Bảng 1.2 Thay đổi của CTĐT KTTH qua các năm

Lần	2016	2018
Nội dung	+ Kiến thức đại cương: 36TC + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80TC + Thực tập tốt nghiệp: 4TC + Khóa luận tốt nghiệp: 6TC	+ Kiến thức đại cương 33TC + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 83TC + Giữ nguyên theo CTĐT 2016 + Giữ nguyên theo CTĐT 2016

3. Đánh giá chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo KTTH đã được xây dựng rõ ràng và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Khoa kế toán, phù hợp với mục tiêu đề ra tại Luật Giáo dục Đại học, đáp ứng yêu cầu của xã hội và các nhà tuyển dụng. Trong CTĐT các học phần đã được phân bổ hợp lý về từng học phần, số lượng tín chỉ của từng học phần để đáp ứng được các yêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đáp ứng được yêu cầu của xã hội cũng như các nhà tuyển dụng sau khi ra trường. Đồng thời chương trình đào tạo cũng đã được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo nhu cầu của người sử dụng lao động và theo đúng qui định của Nhà trường.

Tuy nhiên số lượng phiếu khảo sát, đánh giá, lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu người học về chương trình đào tạo KTTH tuy đã thực hiện nhưng chưa thực sự đủ lớn.

Cùng với đó chương trình KTTH vẫn còn một số học phần chưa phân định rõ yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, cũng như khối lượng học phần đáp ứng lượng kiến thức thực hành thực tế trong CTĐT còn ít chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động đối với người học sau khi tốt nghiệp.

Số lượng đối tượng gia khảo sát còn nhỏ, đánh giá chuẩn đầu ra còn hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả diện rộng.

KT. TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

KHOA: KẾ TOÁN
BỘ MÔN: KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày thángnăm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN: LUẬT VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Luật và Chuẩn mực kế toán đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: 130/QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Luật và Chuẩn mực kế toán được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Luật và Chuẩn mực kế toán sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Luật và Chuẩn mực kế toán (File đính kèm)

STT	Nội dung	HP: Luật và Chuẩn mực kế toán xây dựng năm 2018	HP: Luật và Chuẩn mực kế toán theo CDIO năm 2020	Ghi chú
1	Tên môn học	A	A	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần Học phần học trước:	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	
4	Mục tiêu học phần	Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về luật kế toán, các quy định của pháp luật về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ kế toán, báo cáo tài chính, hoạt động kiểm tra kế toán. Đưa ra những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán và việc áp dụng các chuẩn mực kế toán ở Việt Nam.	Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về luật kế toán, các quy định của pháp luật về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ kế toán, báo cáo tài chính, hoạt động kiểm tra kế toán. Đưa ra những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán và việc áp dụng các chuẩn mực kế toán ở Việt Nam.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	Học xong học phần này, sinh viên có thể: G1.1- Nhận diện được các quy định của pháp Luật trong nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán và hoạt động nghề nghiệp kế toán G1.2- Nhận diện và lựa chọn được việc áp dụng những quy định của Luật trong công tác kế toán G1.3- Nhận diện được các yếu tố trọng yếu trong việc phản ánh các thông tin kế toán tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hiện hành. G2.1-Ứng dụng được Luật và chuẩn mực kế toán trong việc phản ánh các thông tin kế toán. Giải thích được phương pháp kế toán với việc ghi chép các đối tượng kế toán thường gặp. G2.2- Thành thạo các kỹ năng vận dụng các quy định của Luật và chuẩn mực kế toán trong công tác kế toán. G3.1- Chủ động tìm tòi cập nhật các kiến thức có liên quan đặc biệt những thay đổi Luật kế toán và	Học xong học phần này, sinh viên có thể: G1.1- Nhận diện được các quy định của pháp Luật trong nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán và hoạt động nghề nghiệp kế toán G1.2- Nhận diện và lựa chọn được việc áp dụng những quy định của Luật trong công tác kế toán G1.3- Nhận diện được các yếu tố trọng yếu trong việc phản ánh các thông tin kế toán tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hiện hành. G2.1-Ứng dụng được Luật và chuẩn mực kế toán trong việc phản ánh các thông tin kế toán. Giải thích được phương pháp kế toán với việc ghi chép các đối tượng kế toán thường gặp. G2.2- Thành thạo các kỹ năng vận dụng các quy định của Luật và chuẩn mực kế toán trong công tác kế toán. G3.1- Chủ động tìm tòi	

Môn học Luật và Chuẩn mực kế toán đã được xây dựng nội dung và chương trình dạy đáp ứng được các chuẩn đầu ra 1.1; 1.2; 1.4; 1.7; 2.3; 2.4; 3.2 của chương trình đào tạo ngành Kế toán. Nội dung môn học được cập nhật các thông tư, nghị định mới. Tuy nhiên do khối lượng giờ tín chỉ chưa nhiều nên nội dung môn học chỉ tập trung nghiên cứu được các chuẩn mực cơ bản như CMKT 01, 02, 03, 04, 14, 17, 21, áp dụng trong hầu hết các doanh nghiệp hiện nay, một số chuẩn mực kế toán cho đơn vị đặc thù, sinh viên chưa được tiếp cận.

KT. TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kế toán

Chuyên ngành: Kế toán Tổng hợp

Mã ngành: 7340301

Thời gian đào tạo: 4 năm

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
I.	Phần Kiến thức đại cương		34										
1	MLP132	Triết học Mác - Lênin	3	36	18	3							
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2						
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12			2					
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12				2				
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	24	12					2			
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	24	12						2		
12	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18	3							
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18		3						
14	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18	3							
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6										
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18		3						

II.2	Kiến thức cơ sở ngành		24									
	Bắt buộc		21									
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	36	18		3					
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	36	18			3				
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3				
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18		3					
25	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18			3				
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	36	18				3			
28	BAU231	Kiểm toán căn bản	3	36	18				3			
	Tự chọn		3						3			
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18							
30	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18							
31	MAS331	Thương mại điện tử	3	36	18							
32	SRM231	Phương pháp NCKH	3	36	18							
33	TPR231	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	36	18							
II.3	Kiến thức cơ sở ngành chính		24									
	Bắt buộc		18									
34	FIA331	Kế toán tài chính 1	3	36	18			3				
35	FIA332	Kế toán tài chính 2	3	36	18				3			
36	MAA331	Kế toán quản trị	3	36	18					3		
37	AIS331	Hệ thống thông tin kế toán	3	36	18						3	
38	AOR331	Tổ chức công tác kế toán	3	36	18						3	
39	TAA331	Kế toán thuế	3	36	18							3
	Tự chọn		6							6		
40	IAC331	Kế toán quốc tế	3	36	18							
41	LAS331	Luật và chuẩn mực kế toán	3	36	18							
42	INT331	Thương mại quốc tế	3	36	18							
43	DED331	Soạn thảo các VB quản lý kinh tế	3	36	18							
44	SMK331	Thị trường chứng khoán	3	36	18							
45	CFI331	Tài chính doanh nghiệp	3	36	18							
46	STA331	Kế toán chứng khoán	3	36	18							
II.4	Kiến thức chuyên ngành		27									
	Bắt buộc		21									
47	PAS331	Lập và phân tích báo cáo tài chính	3	24	12							3
48	FAI333	Kế toán tài chính 3	3	24	12							3

49	FAC331	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	36	18							3	
50	INC331	Kiểm soát nội bộ	3	36	18							3	
51	APO331	Kế toán HC sự nghiệp	3	24	12						3		
52	CBA331	Kế toán máy	3	36	18						3		
53	BAA331	Kế toán ngân hàng	3	36	18						3		
	Tự chọn		6							6			
54	BAC331	Kế toán ngân sách	3	36	18								
55	BCA331	Kế toán xây dựng cơ bản	3	36	18								
56	IAU331	Kế toán bảo hiểm	3	36	18								
57	ACF331	Kế toán công ty	3	36	18								
58	BUD331	Kiểm toán ngân sách	3	36	18								
59	PUF331	Tài chính công	3	36	18								
60	INP331	Thanh toán quốc tế	3	36	18								
61	FMA331	Quản trị tài chính	3	36	18								
62	BAM331	Quản trị ngân hàng	3	36	18								
II.5	ICA321	Thực tập môn học ngành Kế toán	2								2		
III	IAC441	Thực tập tốt nghiệp ngành Kế toán	4										4
IV	DAC964	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán	6										6
	Tự chọn thay thế khóa luận												
63	INA331	Kiểm toán nội bộ	3	36	18								
64	SEA331	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	36	18								
65	BAN331	Phân tích HĐ kinh doanh	3	36	18								
66	BPR331	Định giá tài sản	3	36	18								
67	IBA331	Quản trị doanh nghiệp	3	36	18								
68	LST331	Luật và chuẩn mực kiểm toán	3	36	18								
Tổng tín chỉ toàn khóa			127			16	16	16	16	19	16	18	10

KT. TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần